

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIÊU - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HS-ST
Ngày: 17/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN L - TP Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hùng**

Các hội thẩm nhân dân: + Ông **Nguyễn Công Chi**
+ Ông **Ngô Văn Sỹ**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đ.

Đại diện Viện kiểm sát quận L, thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2018/TLST - HS ngày 05 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2018/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Văn T - sinh ngày: 10/12/1991 tại tỉnh Q; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 42, phường H, quận C, thành phố Đ; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn A (chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 (còn sống). Gia đình có hai chị em, bị cáo là còn thứ hai. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/01/2018, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Ông **Mai Phước D** - sinh năm: 1967. Địa chỉ: Tổ 03, thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ, vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông **Mai Phước C** - sinh năm: 1990. Địa chỉ: Tổ 03, thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ, vắng mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị N** - sinh năm: 1965. Địa chỉ: Tổ 42, phường H, quận C,

thành phố Đ, có mặt.

*** Nhân chứng:** Ông **Trần Quang B**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 39, phường H, quận T, thành phố Đ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18h00' ngày 16.01.2018 Trần Văn T đang ngồi ăn uống tại quán nhậu, tại kiệt 116/3 đường H, phường H, quận L, thành phố Đ thì phát hiện xe mô tô hiệu Sirius BKS 43K1 – 1XXXX của ông Mai Phước D, sinh năm 1967 trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ để trước quán không có người trong coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. Việc có đi về trước có việc, T đi gần đến xe mô tô và sử dụng một thanh đoản bằng kim loại hình chữ T phá khóa xe máy nhưng không được nên dắt bộ xe mô tô hiệu Sirius BKS 43K1 - 1XXXX đi đến khu vực gần đường T, phường H để cất giấu. Khi T quay lại quán nhậu thì bị lực lượng Công an phường H mời về làm việc, tại Cơ quan điều tra Trần Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Theo kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 19.01.2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận L xe mô tô hiệu Sirius BKS 43K1 - 1XXXX trị giá 10.250.000đ.

*** Vật chứng vụ án:** 01 xe mô tô hiệu Sirius BKS 43K1 - 1XXXX; 01 thanh đoản bằng kim loại hình chữ T.

*** Xử lý vật chứng:** 01 xe mô tô hiệu Sirius BKS 43K1 - 1XXXX Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Chủ sở hữu đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

*** Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKS, ngày 05/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đ đã truy tố Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.**

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như bản cáo trạng số 37/CT-VKS, ngày 05/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đ. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:**

Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 tháng đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn kim loại hình chữ T do bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo cho rằng cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Bị cáo thấy được hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; bị cáo T có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; có hoàn cảnh gia đình khó khăn và bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 18h00' ngày 16.01.2018 tại kiệt 116/3 H, phường H, quận L, thành phố Đ, Trần Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Sirius BKS 43K1 - 1XXXX của ông Mai Phước D, giá trị tài sản bị cáo T chiếm đoạt là 10.250.000đ. Hành vi nêu trên của bị cáo

đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng số 37/KSĐT, ngày 05/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Đ đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản đã một mình cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên bị cáo phải chịu toàn bộ trách nhiệm với hành vi của bị cáo gây ra. Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe nhưng ham chơi, lười lao động, trộm cắp tài sản để thỏa mãn tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và tâm lý bất an cho người dân địa phương. Điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật. Do đó, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; giá trị thiệt hại tài sản không lớn; bị cáo T có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét mức hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chủ sở hữu đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã có quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô hiệu Sirius BKS 43K1 - 112 cho chủ sở hữu là có căn cứ, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Đối với một thanh đoạn kim loại hình chữ T là phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/01/2018.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thanh đoản bằng kim loại hình chữ T (hiện Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đ đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/5/2018).

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Nơi nhận:

- Viện KSND q. L;
- Viện KSND TP. Đ;
- Công an q. L;
- Người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam CATPĐN;
- Chi cục THADS q.L;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

PHẠM THANH HÙNG